

DANH MỤC KÈM THEO THƯ MỜI BÁO PHÍ THẨM ĐỊNH GIÁ

STT	Tên Thiết Bị/ Hãng sản xuất/Kiểu/ Model	Nội dung thực hiện	Địa điểm thực hiện	Số Lượng	Đơn Giá (đồng)	Thành Tiền (đồng)
I	1. Nguồn kinh phí hoạt động khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng:					
1	Máy huyết học tự động Humacount 60TS	Hiệu chuẩn -Độ chính xác hệ thống -Độ lặp lại hệ thống	On-site	1	4.000.000	4.000.000
2	Máy sinh hóa tự động TC Matrix	Hiệu chuẩn -Độ chính xác hệ thống -Độ lặp lại hệ thống	On-site	1	4.000.000	4.000.000
3	Máy đọc Elisa, Hãng: Chromate, Model: 4300	Hiệu chuẩn - Bước sóng - Độ hấp thu	On-site	1	2.500.000	2.500.000
4	Máy rửa, Hãng: Bio-Rad, Model: PW40	Bảo trì	On-site	1	800.000	800.000
5	Máy ủ IPS, Hãng: Bio-Rad	Hiệu chuẩn nhiệt độ	On-site	1	800.000	800.000
6	Tủ lạnh Ariston	Hiệu chuẩn nhiệt độ	On-site	1	600.000	600.000
7	Máy ly tâm lạnh Eppendorf	Hiệu chuẩn tốc độ	On-site	1	600.000	600.000
8	Tủ ấm Memmert INB 400	x(440C)	On-site	1	600.000	600.000
9	Tủ ấm Memmert INB 500	x (370C)	On-site	1	600.000	600.000
10	Tủ ấm JSR JSGL-153P	x(300C)	On-site	1	600.000	600.000
11	Tủ ấm JSR JSGL-100T	x(370C)	On-site	1	600.000	600.000
12	Tủ ấm JSGL-30T	x(410C)	On-site	1	600.000	600.000
13	Tủ ấm JSGL-30T	x(440C)	On-site	1	600.000	600.000
14	Cân kỹ thuật PA2102	Hiệu chuẩn	On-site	1	300.000	300.000
15	Cân kỹ thuật PA213	Hiệu chuẩn	On-site	1	300.000	300.000
16	Máy đo pH để bàn ORION	x(pH=4,7,10)	On-site	1	500.000	500.000
17	Nồi hấp tiệt trùng TOMY ES-315	x(1150C, 1210C)	On-site	1	600.000	600.000
18	Nồi hấp tiệt trùng HYRAYAMA HVE	x(1210C)	On-site	1	600.000	600.000
19	Tủ sấy Memmert UNE 400	x(1800C)	On-site	1	600.000	600.000
20	Tủ an toàn sinh học cấp II ESCO	Thử nghiệm 06 thông số: hình thái dòng khí, tốc độ gió, rò rỉ màng lọc, ánh sáng khả kiến, UV, độ ồn.	On-site	1	3.400.000	3.400.000

STT	Tên Thiết Bị/ Hãng sản xuất/Kiểu/ Model	Nội dung thực hiện	Địa điểm thực hiện	Số Lượng	Đơn Giá (đồng)	Thành Tiền (đồng)
21	Tủ an toàn sinh học cấp II TELSTAR	Thử nghiệm 06 thông số: hình thái dòng khí, tốc độ gió, rò rỉ màng lọc, ánh sáng khả kiến, UV, độ ồn.	On-site	1	3.400.000	3.400.000
22	Nhiệt kế điện tử SATO SK-270WP	x(440C)	On-site	1	250.000	250.000
23	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	x(370C)	On-site	1	250.000	250.000
24	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	x(300C)	On-site	1	250.000	250.000
25	Nhiệt kế điện tử SATO SK-270WP	x(370C)	On-site	1	250.000	250.000
26	Nhiệt kế điện tử SATO SK-270WP	x(410C)	On-site	1	250.000	250.000
27	Quả cân chuẩn E2	x(10g)	Lab	1	250.000	250.000
28	Nhiệt kế điện tử dầu dò Control Company	x(1800C)	Lab	1	250.000	250.000
29	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	x(250C, 75%)	Lab	1	300.000	300.000
30	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	x(250C, 75%)	Lab	1	300.000	300.000
31	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	x(250C, 75%)	Lab	1	300.000	300.000
32	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	x(250C, 75%)	Lab	1	300.000	300.000
33	Nồi hấp tiệt trùng TOMY SS-325	x(1210C)	On-site	1	600.000	600.000
34	Nồi hấp tiệt trùng ALP CL-32L	x(1210C)	On-site	1	600.000	600.000
35	Tủ An Toàn Sinh học cấp II ESCO	Thử nghiệm 06 thông số: hình thái dòng khí, tốc độ gió, rò rỉ màng lọc, ánh sáng khả kiến, UV, độ ồn.	On-site	1	3.400.000	3.400.000
36	Tủ An Toàn Sinh học cấp II ESCO	Thử nghiệm 06 thông số: hình thái dòng khí, tốc độ gió, rò rỉ màng lọc, ánh sáng khả kiến, UV, độ ồn.	On-site	1	3.400.000	3.400.000
37	Tủ An Toàn Sinh học cấp II CRYSTE	Thử nghiệm 06 thông số: hình thái dòng khí, tốc độ gió, rò rỉ màng lọc, ánh sáng khả kiến, UV, độ ồn.	On-site	1	3.400.000	3.400.000
38	Tủ pha Mix PCR ESCO	Thử nghiệm 06 thông số: hình thái dòng khí,	On-site	1	3.000.000	3.000.000

STT	Tên Thiết Bị/ Hãng sản xuất/Kiểu/ Model	Nội dung thực hiện	Địa điểm thực hiện	Số Lượng	Đơn Giá (đồng)	Thành Tiền (đồng)
		tốc độ gió, rò rỉ màng lọc, ánh sáng khả kiến, UV, độ ồn.				
39	Máy quang phổ Shimadzu UV-1800	x(Độ lặp lại, độ chính xác của ABS tại 1 510nm; 543nm; 456 nm)	On-site	1	2.200.000	2.200.000
40	Cân phân tích Ohaus 0,1mg/210g PA214	Hiệu chuẩn khối lượng	On-site	1	400.000	400.000
41	Cân kỹ thuật Ohaus 0,01g/2100g PA2102	Hiệu chuẩn khối lượng	On-site	1	300.000	300.000
42	Máy đo pH METROHM	x(pH 4,7,10)	On-site	1	500.000	500.000
43	Máy đo pH HORIBA LAQUA - PH1100	x(pH 4,7,10)	On-site	1	500.000	500.000
44	Máy đo độ đục Orbeco TB200	(,2,5,10, 20,100,800 NTU)	On-site	1	600.000	600.000
45	Máy đo độ đục cầm tay Hanna HI98703	(0,2,5,10, 20,100,800 NTU)	On-site	1	600.000	600.000
46	Máy đo độ dẫn cầm tay Palintest	(2µS/cm)	On-site	1	600.000	600.000
47	Nồi cách thủy JSWB 33T (Korea)	Hiệu chuẩn nhiệt độ	On-site	1	600.000	600.000
48	Nồi cách thủy JSWB 33T (Korea)	(97oC, 70oC)	On-site	1	600.000	600.000
49	Tủ sấy Memmert UNE400	(180OC)	On-site	1	600.000	600.000
50	Tủ sấy Memmert UNE400	(105OC)	On-site	1	600.000	600.000
51	Lò nung LENTON ECF 12/10	(525 OC)	On-site	1	600.000	600.000
52	Máy đo nhiệt độ EBRO TTX100	(-20 ; 4 ; 20; 97 °C)	On-site	1	300.000	300.000
53	Máy đo nhiệt độ Precision C08Q61	(105 OC)	On-site	1	250.000	250.000
54	Nhiệt kế điện tử SATO SK-270WP	(-20 ; 4 ; 20; 97; 105 OC)	Lab	1	400.000	400.000
55	Máy đo nhiệt độ - độ ẩm điện tử Hygro-Thermometer DHT-1	Hiệu chuẩn nhiệt độ (25°C; 75%)	Lab	1	300.000	300.000
56	Tủ hút khí độc Esco EFH-5A1	Thử nghiệm 06 thông số: hình thái dòng khí, tốc độ gió, rò rỉ màng lọc, ánh sáng khả kiến, UV, độ ồn.	On-site	1	3.400.000	3.400.000
57	Tủ hút khí độc Esco ADC-4B1	Thử nghiệm 06 thông số: hình thái dòng khí, tốc độ gió, rò rỉ màng	On-site	1	3.400.000	3.400.000

STT	Tên Thiết Bị/ Hãng sản xuất/Kiểu/ Model	Nội dung thực hiện	Địa điểm thực hiện	Số Lượng	Đơn Giá (đồng)	Thành Tiền (đồng)
		lọc, ánh sáng khả kiến, UV, độ ồn.				
58	Máy cất nước cất 2 lần HAMILTON AWC/4D	Bảo trì	On-site	1	1.000.000	1.000.000
59	Máy cất đậm VELP UDK 132	Hiệu chuẩn nhiệt độ	On-site	1	800.000	800.000
60	Tủ lạnh Lovibond	Hiệu chuẩn nhiệt độ	On-site	1	600.000	600.000
61	Tủ lạnh SHARP 145L	Hiệu chuẩn nhiệt độ	On-site	1	600.000	600.000
62	Tủ lạnh Toshiba GR-T36VUBZ	Hiệu chuẩn nhiệt độ	On-site	1	600.000	600.000
63	Bộ chiết béo EV6AII/14 GERHARDT	Bảo trì	On-site	1	800.000	800.000
64	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng(-10oC) - (110oC) (mã số A043-1) (ngăn mát tủ lạnh)	Hiệu chuẩn nhiệt độ	Lab	1	200.000	200.000
65	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng(-10oC) - (110oC) (mã số A043-2) (ngăn mát tủ lạnh)	Hiệu chuẩn nhiệt độ(3oC)	Lab	1	200.000	200.000
66	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân(-19oC) - (62oC) (mã số A044-1) (ngăn đông tủ lạnh)	Hiệu chuẩn nhiệt độ(3oC)	Lab	1	200.000	200.000
67	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân(-19oC) - (62oC) (mã số A044-2) (ngăn đông tủ lạnh)	Hiệu chuẩn nhiệt độ(-15oC)	Lab	1	200.000	200.000
68	Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 510C) ALLA	Hiệu chuẩn nhiệt độ(-15oC)	Lab	1	200.000	200.000
69	Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 510C) ALLA	Hiệu chuẩn nhiệt độ(20C; 80C)	Lab	1	200.000	200.000
70	Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 510C) ALLA	Hiệu chuẩn nhiệt độ(20C; 80C)	Lab	1	200.000	200.000
71	Nhiệt kế thủy tinh MAXIMA	Hiệu chuẩn nhiệt độ(20C; 80C)	Lab	1	200.000	200.000
72	Nhiệt kế thủy tinh (-19 đến 620C) AMA	Hiệu chuẩn nhiệt độ(1150C; 1210C)	Lab	1	200.000	200.000
73	Cồn kế 0-35 độ rượu có nhiệt kế (mã số	Hiệu chuẩn độ cồn và nhiệt độ (20C; 80C)	Lab	1	250.000	250.000

STT	Tên Thiết Bị/ Hãng sản xuất/Kiểu/ Model	Nội dung thực hiện	Địa điểm thực hiện	Số Lượng	Đơn Giá (đồng)	Thành Tiền (đồng)
	A047-1)					
74	Cồn kế 35-75 độ rượu có nhiệt kế(mã số A047-2)	Hiệu chuẩn độ cồn và nhiệt độ (20C; 80C)	Lab	1	250.000	250.000
75	Micropipet Biohit (Phần Lan) 1000µl (A050)	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	1	300.000	300.000
76	Micropipet Biohit (Phần Lan)100µl (A049)	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	1	300.000	300.000
77	Micropipet Hirschmann 50 µl (A048)	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	1	300.000	300.000
78	Quả cân chuẩn E2 5g (A045-1)	Hiệu chuẩn khối lượng	Lab	1	300.000	300.000
79	Quả cân chuẩn E2 50g (A045-2)	Hiệu chuẩn khối lượng	Lab	1	300.000	300.000
80	Quả cân chuẩn E2 100g (A045-3)	Hiệu chuẩn khối lượng	Lab	1	300.000	300.000
81	Quả cân chuẩn E2 200g (A045-4)	Hiệu chuẩn khối lượng	Lab	1	300.000	300.000
82	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân (-10 đến 1100C) AMA	Hiệu chuẩn nhiệt độ	Lab	1	200.000	200.000
83	Nhiệt kế thủy ngân chất lỏng (-1 đến 510C) ALLA	Hiệu chuẩn -10oC; 5oC	Lab	1	200.000	200.000
84	Máy đo nhiệt độ - độ ẩm điện tử Hygro-Thermometer DHT-1	Hiệu chuẩn (25 °C; 75%)	Lab	1	260.000	260.000
85	Tủ lạnh Samsung	Hiệu chuẩn nhiệt độ	Lab	1	600.000	600.000
86	Micropipet Hettich 10-100 µl	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	3	260.000	780.000
87	Micropipet Hettich 2-20 µl	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	2	260.000	520.000
88	Micropipet Hettich 20-200 µl	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	2	260.000	520.000
89	Micropipet Hettich 100-1000 µl	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	2	260.000	520.000
90	Micropipet Eppendorf 1000 µl	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	1	260.000	260.000
91	Micropipet Eppendorf 0.5-10 µl	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	1	260.000	260.000
92	Micropipet Hettich 0.5-10 µl	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	2	260.000	520.000

STT	Tên Thiết Bị/ Hãng sản xuất/Kiểu/ Model	Nội dung thực hiện	Địa điểm thực hiện	Số Lượng	Đơn Giá (đồng)	Thành Tiền (đồng)
93	Micropipet VITLAB 8 kênh 10-300 µl	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	1	260.000	260.000
94	Micropipet VITLAB 8 kênh 5-50 µl	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	1	260.000	260.000
95	Micropipet VITLAB 100-1000 µl	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	1	260.000	260.000
96	Micropipet VITLAB 20-200 µl	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	1	260.000	260.000
97	Micropipet Eppendorf 100-1000 µl	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	1	260.000	260.000
98	Máy Realtime PCR Rotor Gen Q (Qiagen)	Hiệu chuẩn nhiệt độ	On-site	2	2.500.000	5.000.000
99	Máy Realtime PCR DTprime 5 (DNA-TECHNOLOGY)	Hiệu chuẩn nhiệt độ	On-site	1	2.500.000	2.500.000
100	Máy Realtime PCR AriaDx (Agilent)	Hiệu chuẩn nhiệt độ	On-site	1	2.500.000	2.500.000
101	Tủ an toàn sinh học BIOBASE	Thử nghiệm 06 thông số: hình thái dòng khí, tốc độ gió, rò rỉ màng lọc, ánh sáng khả kiến, UV, độ ồn.	On-site	1	3.400.000	3.400.000
102	Máy tách chiết tự động BIOER NPA 32		On-site	1	1.000.000	1.000.000
103	Máy tách chiết tự động BIOER 96		On-site	1	1.000.000	1.000.000
104	Máy tách chiết tự động TANBEAD 96		On-site	1	1.000.000	1.000.000
105	Máy tách chiết tự động QIAGEN Symphony		On-site	1	1.000.000	1.000.000
II	2.Nguồn kinh phí HIV-AIDS:					
1	Pipet – Nexty-100 / Watson - Nhật	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	2	260.000	520.000
2	Pipet – Nexty-1000 / Watson - Nhật	Hiệu chuẩn dung tích	Lab	1	260.000	260.000

STT	Tên Thiết Bị/ Hãng sản xuất/Kiểu/ Model	Nội dung thực hiện	Địa điểm thực hiện	Số Lượng	Đơn Giá (đồng)	Thành Tiền (đồng)
3	Máy ủ Elisa TC-92 Teco Diagnostics – Mỹ	Hiệu chuẩn nhiệt độ	On-site	1	800.000	800.000
4	Máy rửa Elisa TC-94 Teco Diagnostics – Mỹ	Bảo trì	On-site	1	800.000	800.000
5	Máy đọc Elisa TC-96	Hiệu chuẩn bước sóng, độ hấp thu	On-site	1	2.500.000	2.500.000
III	3.Nguồn thu phí:					
1	Kính hiển vi OLYMPUS CX21 FS1	Hiệu chuẩn kích thước, độ phóng đại'	On-site	1	800.000	800.000
2	Kính hiển vi OLYMPUS CX23 LED RFS1	Hiệu chuẩn kích thước, độ phóng đại'	On-site	1	800.000	800.000
	Số lượng thiết bị:					120
	Chi phí hiệu chuẩn, bảo trì:					99.320.000
	Tổng chi phí:					99.320.000
	Bằng chữ: Chín mươi chín triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng./.					